TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Nhâm Đức Hùng**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Bích T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp TL, xã MTA, huyện CT, tỉnh K.

(Chị Huỳnh Thị Bích T có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Lữ Hoàng T1,** sinh năm 1989

Địa chỉ HKTT: ấp HA, xã MT, huyện CT, tỉnh K.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp PC, xã MTB, huyện CT, tỉnh K.

(Anh Lữ Hoàng T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/03/2023, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T trình bày:

Chị Huỳnh Thị Bích T và chồng là anh Lữ Hoàng T1 tự nguyện quen biết yêu thương nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 08/05/2018.

Qua thời gian chung sống vợ chồng anh chị sống với nhau được một thời gian nhưng không có con chung, không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn: trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh T1 đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T1 làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Lữ Hoàng T1;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Lữ Hoàng T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 17/02/2023 đối với bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của anh Lữ Hoàng T1 trình bày:

Con ruột bà Nguyễn Thị Lợi là anh Lữ Hoàng T1 có vợ là chị Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1989. Anh T1 và chị T cưới nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau thì anh T1 và chị T đi làm công nhân ở Bình Dương, quá trình chung sống thì anh T1 và chị T thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó chị T muốn đi Côn Đảo làm ăn sinh sống thì anh T1 không đồng ý vì đang có việc làm ổn định tại Bình Dương. Do đó chị T đã ly thân với anh T1 từ năm 2019 đến nay. Quá trình chung sống anh T1 và chị T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay Tòa án gửi thông báo cho con bà là Lữ Hoàng T1 thông báo về việc thụ lý vụ án xin ly hôn do T gửi đơn khởi kiện tại Tòa án. Đối với việc T gửi đơn xin ly hôn thì con bà Lữ Hoàng T1 có ý kiến như sau:

-Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích T;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nay con tôi Lữ Hoàng T1 bận đi làm ăn nên không thể đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử với chị Huỳnh Thị Bích T, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo thủ tục vắng mặt T1.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bích T được ly hôn với anh Lữ Hoàng T1 theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị Huỳnh Thị Bích T xác định không có con chung, tài sản chung, cam kết không có nợ chung và không yêu cầu xem xét giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lữ Hoàng T1, đây là vụ án *"Tranh chấp ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Lữ Hoàng T1 có địa chỉ nơi cư trú tại ấp PC, xã MTB, huyện CT, tỉnh K nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Lữ Hoàng T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Lữ Hoàng T1 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/05/2018 và được Ủy ban nhân dân xã MTA, huyện CT, tỉnh K cấp giấy

chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Lữ Hoàng T1: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Huỳnh Thị Bích T xác nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh T1 đã ly thân từ năm 2019 đến nay đồng thời quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh thì mẹ anh T1: xác định anh T1 và chị T ly thân từ năm 2019 đến nay do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh T1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bích T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Lữ Hoàng T1.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Huỳnh Thị Bích T là phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số T là 300.000 đồng. Anh Lữ Hoàng T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bích T về việc "Tranh chấp ly hôn" với anh Lữ Hoàng T1.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích T được ly hôn với anh Lữ Hoàng T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bích T xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bích T phải chịu T án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005334 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lữ Hoàng T1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã Mong Thọ A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khương Nhâm Đức Hùng Danh Phạm Ngọc Khánh